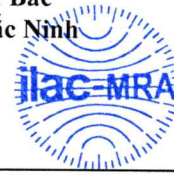




VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN I  
 Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc  
 Địa chỉ: Phường Đình Bảng – thành phố Từ Sơn – tỉnh Bắc Ninh  
 Điện thoại: 0243.8785751 Fax: 0243.878.0099  
 Email: o.cedma@ria1.org, website: www.ria1.org



## PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Mã phiếu: QTHT230803

### 1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh

Địa chỉ: Số 04 – Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Thành phố Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại liên hệ/Email (nếu có): 039 3693157

Loại mẫu:

- Nước mặt     Nước biển     Nước thải     Nước nuôi trồng thủy sản     Động vật thủy sản  
 Sản phẩm thủy sản     Đất     Bùn     Trầm tích     Khác

Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh

Địa điểm thu mẫu: Chi tiết tại Bảng 1

Ngày thu mẫu: 2-3/8/2023

Ngày nhận mẫu: 4/8/2023

Người nhận mẫu: Đặng Thị Phú

Chỉ tiêu và phương pháp phân tích: Chi tiết tại Bảng 2

Ngày phân tích: 4-7/8/2023

**Bảng 1: Địa điểm thu mẫu**

TT	Địa điểm thu mẫu	Ký hiệu mẫu
<b>Nguồn cấp</b>		
1.	Kỳ Ninh (Hói Lỗ)	NC Kỳ Ninh
2.	Kỳ Thu (Ngọn Rào)	NC Kỳ Thu
3.	Cắm Lộc (Bãi Rào)	NC-CL
4.	Thạch Hạ (Đồng ghè)	NC Thạch Hạ
5.	Đan Trường	NC Đan Trường
6.	Thạch Châu	NC Thạch Châu
7.	Đỉnh Bàn	NC Đỉnh Bàn

**Bảng 2: Chỉ tiêu và phương pháp phân tích**

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích
1.	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	HD.H.01
2.	TSS	HD.H.07; SMEWW 2540D:2017
3.	COD	HD.H.18; SMEWW5220 C:2017
4.	H <sub>2</sub> S	HD.H.37; SMEWW 4500-S <sub>2</sub> -B,D:2017
5.	Mật độ tảo, thành phần tảo độc	HD.H.35; SMEWW 10200 F:2017



## 2. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

**Bảng 3: Kết quả phân tích thủy hóa**

Địa điểm	Nhiệt độ***	pH***	DO***	Độ trong***	Độ mặn***	Độ kiềm***	N-NH <sub>4</sub> <sup>++</sup>	COD*	H <sub>2</sub> S*	TSS*
	°C		mg/l	cm	‰	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l
NC Kỳ Ninh	26	8,0	4	40	35	107,4	0,001	0,72	0,000	34,5
NC Kỳ Thư	26	7,5	4	40	14	89,5	0,001	2,08	0,000	23,5
NC Cẩm Lộc	26	7,5	3,5	35	11	71,6	<b>0,526</b>	3,76	0,000	15,0
NC Thạch Hạ	25	7,3	4	45	25	71,6	0,238	3,2	0,000	27,0
NC Đan Trường	26	7,5	4	40	20	71,6	0,169	1,92	0,000	24,5
NC Thạch Châu	25	7,8	4	40	24	71,6	0,166	3,2	0,000	28,5
NC Đỉnh Bàn	28	8,4	4	40	17	89,5	<b>0,456</b>	3,04	0,000	29,5
<b>Quy chuẩn tham chiếu</b>	<b>18-33<sup>b</sup></b>	<b>7-9<sup>b</sup></b>	<b>≥3,5<sup>b</sup></b>	<b>20-50<sup>b</sup></b>	<b>5-35<sup>b</sup></b>	<b>60-180<sup>b</sup></b>	<b>&lt;0,3<sup>c</sup></b>	<b>&lt;10<sup>c</sup></b>	<b>&lt;0,05<sup>b</sup></b>	<b>&lt;50<sup>a</sup></b>

**Ghi chú:**

- **Ký hiệu (a): QCVN 10-MT:2015/BTNMT:** Quy chuẩn Việt Nam. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước biển – Nước biển vùng biển ven bờ. Cột giá trị giới hạn – Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh.
- **Ký hiệu (b): QCVN 02-19:2014/BNNPTNT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.
- **Ký hiệu (c): QCVN 08-MT:2015/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - Cột A1: Bảo tồn động thực vật thủy sinh.
- **Dấu (\*):** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- **Dấu (\*\*):** Chỉ tiêu đo tại hiện trường, được cung cấp bởi Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh.

**Bảng 4: Kết quả phân tích mật độ tảo, thành phần tảo độc**

Điểm quan trắc	Mật độ tảo (tế bào/lít)*					Tổng (tế bào/lít)	Thành phần tảo độc	Mật độ tảo độc (tb/l)
	Tảo Lục	Tảo Silic	Tảo Lam	Tảo Giáp	Tảo mắt			
NC Kỳ Ninh	0	3.227	0	0	0	3.227	KPH	0
NC Kỳ Thu	0	467	0	0	0	467	KPH	0
NC Cẩm Lộc	0	317	12.667	0	0	12.983	KPH	0
NC Thạch Hạ	0	629	26.714	0	0	27.343	KPH	0
NC Đan Trường	0	3.910	0	0	0	3.910	<i>Pseudonitzschia</i> sp.	283
NC Thạch Châu	0	214	10.071	0	0	10.286	KPH	0
NC Đỉnh Bàn	0	142	0	0	0	142	KPH	0

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

### 3. NHẬN XÉT

- Ngoại trừ hàm lượng N-NH<sub>4</sub><sup>+</sup> tại Nguồn cấp Đỉnh Bàn và Cẩm Lộc có giá trị cao hơn GHCP lần lượt là 1,52 và 1,75 lần theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Các chỉ tiêu phân tích gồm nhiệt độ, DO, pH, độ trong, độ kiềm, độ mặn, COD, TSS và H<sub>2</sub>S tại các điểm quan trắc đều có giá trị trong giới hạn cho phép theo QCVN 10-MT:2015/BTNMT; QCVN 02-19:2014/BNNPTNT và QCVN 08-MT:2015/BTNMT.
- Mật độ tảo tại các điểm quan trắc Nguồn cấp dao động từ 142 – 27.343 tế bào/lít. Trong đó, Nguồn cấp tại Thạch Hạ có mật độ cao nhất (27.343 tế bào/lít), kế đến là Cẩm Lộc (12.983 tế bào/lít), Thạch Châu (10.286 tế bào/lít), Đan Trường (3.910 tế bào/lít), Kỳ Ninh (3.227 tế bào/lít), Kỳ Thu (467 tế bào/lít). Nguồn cấp tại Đỉnh Bàn có mật độ thấp nhất 142 tế bào/lít.
- Phát hiện tảo độc *Pseudonitzschia* sp. tại điểm Nguồn cấp Đan Trường với mật độ thấp 283 tế bào/lít.

#### 4. KHUYẾN CÁO

- Hiện nay đang vào mùa mưa, những cơn mưa kéo dài làm thay đổi môi trường nuôi theo chiều hướng xấu đi, sự thay đổi này làm động vật thủy sản giảm sức đề kháng và miễn cảm hơn với các tác nhân gây bệnh có sẵn trong nước như ký sinh trùng, vi khuẩn và vi rút... từ đó dễ dẫn đến dịch bệnh và giảm hiệu quả nuôi thủy sản. Các hộ nuôi cần thường xuyên kiểm tra, gia cố bờ ao, cống lấy nước để hạn chế hư hỏng, sạt lở do mưa lũ làm thất thoát sản phẩm. Có kế hoạch điều tiết nước trong ao nuôi để hạn chế thay đổi độ mặn trong ao nuôi do mưa lớn. Trước khi mưa to cần phải lấy nước có độ mặn thích hợp vào ao, để mực nước trong ao cao nhất. Trong khi mưa nên tránh các hoạt động làm xáo trộn nước trong ao nuôi và sau khi mưa cần nhanh chóng rút bớt nước ở tầng mặt của ao bằng cách tháo các cửa phai của cống thoát.

- Đối với các vùng nuôi đất bị chua phèn, rắc vôi quanh bờ ao trước khi mưa phòng nước trôi phèn xuống làm biến động pH ao nuôi.

- Người nuôi cần kiểm tra hoạt động của tôm nuôi và môi trường nước trước và sau mưa để có biện pháp xử lý kịp thời. Chuẩn bị máy phát điện, máy sục khí để phòng khi điện lưới bị mất.

- Thu hoạch tôm nuôi đã đạt kích cỡ thương phẩm.

Bắc Ninh, ngày 7 tháng 8 năm 2023

Trưởng Phòng



Phạm Thái Giang

Lãnh đạo đơn vị



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Bình